

Số: 433 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 01 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Khu dân cư xây dựng đợt đầu 35 ha đô thị mới Phú Mỹ
tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Khu dân cư xây dựng đợt đầu 35 ha đô thị mới Phú Mỹ tại thị
xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu họp ngày 28 tháng 4 năm 2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân
cư xây dựng đợt đầu 35 ha đô thị mới Phú Mỹ tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-
Vũng Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 46/2011/A.T.A của
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A.T.A;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
...687.../TTr-STNMT ngày ..04.. tháng 02.. năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự
án Khu dân cư xây dựng đợt đầu 35 ha đô thị mới Phú Mỹ do Công ty Cổ phần
Đầu tư Xây dựng A.T.A làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư dự án), được

thực hiện tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải của Chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện nhằm đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ đầu tư dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A.T.A- Chủ ĐT dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Phú Mỹ;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.

(6)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thọ



Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án “Khu Dân cư Xây dựng Đợt Đầu 35ha Đô thị Mới Phú Mỹ” tại phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số 433. QĐ-UBND ngày 01. tháng 3... năm 2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Khu dân cư xây dựng đợt đầu 35ha Đô thị mới Phú Mỹ tại phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.2. Chủ dự án

Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A.T.A.

Địa chỉ liên hệ: Trần Hưng Đạo, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT.

Người đại diện: Phạm Văn Tuyền

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án

Quy mô, công suất: Đầu tư xây dựng Khu dân cư xây dựng đợt đầu 35ha đô thị mới Phú Mỹ, quy mô 7.440 người, với diện tích 334.926 m² tại phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo Quyết định số ngày 30/10/2009 của UBND huyện Tân Thành, nay là UBND thị xã Phú Mỹ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu dân cư xây dựng đợt đầu 35ha đô thị mới Phú Mỹ).

Phạm vi: Thi công xây dựng và vận hành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án, các công trình công cộng, công viên.

1.4. Các hạng mục công trình của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình đã hoàn thành:

Phần diện tích đã giải phóng mặt bằng khoảng 298.926 m², Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng A.T.A đã triển khai thi công các hạng mục bao gồm:

- San nền đến cao độ thiết kế.

- Hệ thống giao thông và thoát nước: Đã thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thiện các tuyến đường nội bộ trong dự án thuộc trách nhiệm của chủ dự án; Đã thi công hoàn thành hệ thống cống thoát nước mưa, thoát nước thải, hệ thống hố ga, bó vỉa, vỉa hè.

- Hoàn thiện hệ thống điện, cấp nước.

- Hạng mục cây xanh và công viên: Xây dựng 02 công viên cây xanh; giải phóng mặt bằng còn lại và giải phóng mặt bằng đường R từ 46 đến đường 81.

- Xây dựng nhà trẻ 01.

1.4.2. Các hạng mục công trình tiếp tục thực hiện:

Giải phóng mặt bằng khoảng 3,6 ha nằm rời rạc chưa được hoàn thiện hạ tầng.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phần diện tích đã giải phóng mặt bằng khoảng 298.926 m², xây dựng công viên 03, nhà trẻ 02, trường tiểu học.

(Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án)

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các giai đoạn thực hiện	Các hoạt động	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1	2	3
Chuẩn bị (chỉ giới hạn trong phần diện tích khoảng 3,6ha chưa giải phóng được mặt bằng nằm rải rác trên toàn dự án)	- Phát quang thảm thực vật, san gạt lại mặt bằng. - Sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường, các hộ dân, các công trình công cộng hiện hữu.	- Bụi, chất thải rắn, tiếng ồn, sinh khối thực vật, nước thải... - Chất thải rắn, nước thải sinh hoạt; - Các tác động đến kinh tế - xã hội.
Xây dựng (thi công các hạng mục còn lại)	- Vận chuyển nguyên vật liệu; - Tập kết, dự trữ, bảo quản nhiên liệu, nguyên vật liệu phục vụ công trình; - Xây dựng, lắp đặt các hạng mục hạ tầng kỹ thuật như hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy; đường giao thông, hệ thống điện, thông tin liên lạc... (phần còn lại). - Sinh hoạt của công nhân.	- Ô nhiễm môi trường không khí từ việc vận chuyển máy móc, phương tiện phục vụ thi công xây dựng. - Ô nhiễm môi trường đất, nước và mất mỹ quan do các loại chất thải rắn (đất, đá, gỗ, cặn...). - Ô nhiễm môi trường nước do nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động thi công, nước mưa chảy tràn. - Ô nhiễm bụi, nước mưa chảy tràn từ khu vực tập kết nguyên liệu.



Các giai đoạn thực hiện	Các hoạt động	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1	2	3
		- Các sự cố cháy nổ, sự cố lao động trong quá trình thi công xây dựng; - Chất thải rắn, chất thải nguy hại.
Vận hành	- Giao thông nội bộ; - Hoạt động sinh hoạt của cư dân, công trình công cộng.	- Bụi, khí thải tiếng ồn phát sinh từ hoạt động giao thông nội bộ, máy phát điện dự phòng; - Nước thải sinh hoạt; - Rác thải sinh hoạt; - Mùi phát sinh từ rác thải sinh hoạt; - Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt: bóng đèn hỏng, pin thải...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Nước thải sinh hoạt: khoảng 12,6 m³/ngày.đêm, chứa các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật gây bệnh.

Nước thải thi công: 2,5 – 3 m³/ngày từ hoạt động trộn bê tông, vệ sinh dụng cụ xây dựng.

2.2.2. Vận hành khu dân cư

Nước thải sinh hoạt: khoảng 1.686 m³/ngày.đêm phát sinh từ hoạt động của khu dân cư, chứa các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn

2.3.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ quá trình phát quang thăm thực vật, san gạt mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng.

Khí thải: CO, NO_x, SO₂ phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị.

2.3.2. Vận hành khu dân cư

Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông, phương tiện giao thông.

Khí thải chủ yếu gồm: CH₄, H₂S, NH₃, Metyl mecaptan và mùi phát sinh từ rác thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước thải của Dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 210 kg/ngày, thành phần: các chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại, v.v..

Sinh khối khoảng 10,8 tấn.

Chất thải xây dựng: khoảng 7,4 tấn, thành phần: đất đá, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, gạch vỡ,

2.4.2. Vận hành khu dân cư

Chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 9.672 kg/ngày, chủ yếu bao gồm: rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, không đạt tiêu chuẩn, giấy vụn...), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh...)

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải nguy hại: khoảng 10 - 36 kg/tháng, phát sinh chủ yếu từ quá trình bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công.

2.5.2. Vận hành khu dân cư

Chất thải nguy hại: khoảng 120 kg/năm, bao gồm: mực in thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu thải, linh kiện điện tử...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt nhà vệ sinh di động để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân; Chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

Nước thải xây dựng: Xây dựng hệ thống rãnh thu, hố lắng tạm thời gần khu vực thi công; Nước thải từ khu rửa, trộn vật liệu được dẫn vào hệ thống thu gom tạm, xử lý qua hố lắng để lắng cặn, sau đó theo rãnh thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án: được thu gom theo các rãnh thoát nước, được lắng sơ bộ bằng hố ga trước khi thải ra môi trường

Yêu cầu bảo vệ môi trường

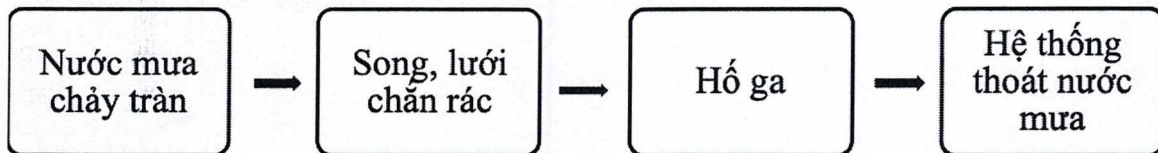
- Không thực hiện thoát nước mưa, nước thải thi công, nước thải sinh hoạt

chưa xử lý vào hệ thống thoát nước khu vực. Trong quá trình triển khai thi công xây dựng không gây ảnh hưởng bất lợi đến khả năng tiêu thoát nước và hệ thống thoát nước sinh hoạt của khu vực dân cư phường Phú Mỹ trong khu vực Dự án;

- Tuân thủ theo các quy định có liên quan đến đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình; các tiêu chuẩn, quy phạm, chỉ dẫn kỹ thuật đối với các hệ thống cấp thoát nước; các quy chuẩn an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng; các yêu cầu quy định về vệ sinh và bảo vệ nguồn nước.

3.1.2. Vận hành khu dân cư

Nước mưa chảy tràn: Được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của Khu dân cư (hệ thống cống ngang và cống dọc đặt dưới vỉa hè và dưới lòng đường của mỗi tuyến đường) và kết nối vào hệ thống cống chung của khu vực.



Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của các hộ dân, các công trình công cộng sẽ được xử lý bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực dẫn về Trạm xử lý nước thải của đô thị Phú Mỹ để xử lý theo đúng quy hoạch.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải theo quy định, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường; không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường khu vực Dự án và lân cận.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Thường xuyên phun nước giữ ẩm cho khu vực thi công để hạn chế bụi phát sinh.

Các phương tiện vận chuyển phục vụ san gạt, vận chuyển sinh khối, nguyên vật liệu phải có bạt che phủ và lót kín sàn xe, không được chở quá tải.

Lắp đặt rào chắn bằng tôn, cao khoảng 2 – 2,5m tại khu vực thi công để giảm thiểu bụi phát tán ra ngoài môi trường và ảnh hưởng tới dân cư xung quanh khu vực dự án.

Tuân thủ đúng các yêu cầu về thời điểm vận chuyển: bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm, đảm bảo độ ẩm để hạn chế phát tán bụi.

Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc trực tiếp.

3.2.2. Vận hành khu dân cư

Bố trí cây xanh và thảm cỏ tạo cảnh quan và không gian thoáng mát, đảm bảo yêu cầu tỷ lệ đất cây xanh cho toàn khuôn viên khu vực Dự án.

Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ sân, hành lang, đường nội bộ, cống rãnh thoát nước.

Sửa chữa ngay các tuyến đường nội bộ khi phát hiện thấy hư hỏng, không để xuống cấp gây nên bụi.

Xây dựng hệ thống hồ ga và bể tự hoại bảo đảm tránh quá trình phát tán mùi ra môi trường.

Chuyển giao rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được xử lý đảm bảo theo các quy định hiện hành

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị các thùng thu gom rác có nắp đậy để thu gom rác ngay tại công trường; quy định và nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, tránh phóng uế, vứt rác bừa bãi, đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý vào cuối ngày; Phổ biến nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho công nhân.

Chất thải rắn xây dựng: được thu gom vào các bãi chứa tạm trong phạm vi mặt bằng dự án với diện tích không quá 25 m², chiều cao không quá 1,5 m, được bao quanh bằng hàng rào làm bằng vải địa kỹ thuật, bãi chứa tạm được bố trí các bãi chứa tại khu vực cuối hướng gió trong mặt bằng thi công; Trang bị bạt để che chắn trên các phương tiện vận chuyển nguyên chất thải xây dựng để giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trên đường vận chuyển; Thu dọn các vật liệu rơi vãi tại khu vực lối ra vào của công trường khi kết thúc ngày làm việc.

3.3.2. Vận hành khu dân cư

Bố trí các thùng chứa rác tại các lề đường, tại khu vực công viên, khu công cộng. Tại trường học các loại rác thải cũng được thu gom tại nguồn. Rác sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Tần suất 1 lần/ngày.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, vận chuyển, đổ thải đáp ứng các yêu cầu, quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định, yêu cầu khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải



chất thải nguy hại

3.4.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chuẩn bị, xây dựng, lắp đặt của Dự án như: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ, xỉ hàn, vỏ thùng sơn... sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ trong thùng chứa chất thải nguy hại (có dán nhãn), tập trung tại khu vực chứa chất thải nguy hại tạm thời, có mái che. Sau đó, sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

3.4.2. Vận hành khu dân cư

Chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, công trình công cộng được thu gom xử lý đúng theo quy định phù hợp với hiện trạng thu gom của địa phương.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định, yêu cầu khác về an toàn, bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

3.5.1. Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng

Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông đường Quốc lộ 51, đường Trường Chinh, đường Trần Hưng Đạo... vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ. Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, xe đồng thời không sử dụng các loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường; Trang bị dụng cụ chống ồn cho các công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao như sử dụng chụp tai chống ồn và nút tai chống ồn...

Tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục độ rung như: kê cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại, thay đổi chế độ tải làm việc, dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su...), sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung...

3.5.2. Vận hành khu dân cư

Quy hoạch hệ thống bồn hoa, tiểu cảnh để trồng cây, xen lẫn hoa và cây xanh tại khu vực xung quanh các khối nhà. Diện tích cây xanh được trồng trải dọc theo hành lang, đường nội bộ đến các khu vực khuôn viên chung, đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh đúng theo yêu cầu thiết kế; Các dịch vụ vui chơi giải trí sẽ được quản lý chặt chẽ về thời gian khai thác nhất là ban đêm.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung và nồng độ các loại bụi, chất ô nhiễm trong không khí xung quanh đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh và đảm bảo không ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường khu vực dự án và lân cận

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

Biện pháp giảm thiểu ách tắc giao thông và ô nhiễm giao thông vào giờ cao điểm: Gắn biển báo tốc độ tối đa trong Khu dân cư, các biển báo giao thông trong hệ thống đường giao thông nội bộ; Quy định tốc độ lưu thông phù hợp trong Khu dân cư; Hạn chế sử dụng còi xe trong khu vực Dự án...

Biện pháp phòng chống ngập úng: thường xuyên kiểm tra tình trạng hệ thống thoát nước vào mùa mưa để đưa ra giải pháp kịp thời; Bố trí các hầm ga đảm bảo không xảy ra ngập nước cục bộ; Thực hiện nạo vét, khai thông hệ thống đường ống theo định kỳ, góp phần tăng khả năng tiêu thoát nước tốt hơn; Lắp đặt lưới chắn rác ở miệng cống để ngăn chặn rác có kích thước lớn...

Biện pháp phòng ngừa các sự cố cháy nổ: Đầu tư các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các khu vực nhà ở; Bố trí đường ống cấp nước chống cháy theo mạng lưới vòng tại tất cả các khu vực chính, đặt các họng cứu hỏa tại các điểm gần các khu chức năng thuận tiện cho việc chữa cháy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Số lượng
1	Hoạt động chuẩn bị, xây dựng (phần còn lại) - Bố trí nhà vệ sinh lưu động cho công nhân thi công. - Thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại. - Kho chứa chất thải nguy hại tạm thời khoảng 5m ² .	Bố trí 02 nhà vệ sinh di động 01 kho
2	Vận hành khu dân cư - Thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại. - Tại các đơn vị nhà ở có hệ thống bể tự hoại 3 ngăn (chi phí xây dựng thực hiện từ các hộ cư dân đến xây dựng và sinh sống).	



STT	Công trình bảo vệ môi trường	Số lượng
	- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa. - Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt.	

5. Chương trình giám sát môi trường

5.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn chuẩn bị, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí: 04 mẫu, ở các vị trí lần lượt là: khu nhà trẻ 2, khu biệt thự 3, khu liên kế 9, khu biệt thự 1.
- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, bụi, SO₂, CO, NO₂.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Theo dõi, lập bảng kê về chất thải để nắm được thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại, từ đó cung cấp các thông tin cần thiết cho các đơn vị thu gom trong quá trình thu gom, xử lý chất thải.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy định tuân theo: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

5.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Giám sát việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại vệ sinh môi trường khu vực công cộng.
- Giám sát, theo dõi, lập bảng kê về chất thải để nắm được thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại, từ đó cung cấp các thông tin cần thiết cho các đơn vị thu gom trong quá trình thu gom, xử lý chất thải.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy định tuân theo: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

5.2.2. Giám sát nước thải sinh hoạt sau khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của đô thị Phú Mỹ: Vị trí giám sát, thông số giám sát, tần suất giám sát và quy chuẩn so sánh theo thỏa thuận bằng văn bản với đơn vị quản lý hệ thống thu gom và xử lý nước thải của đô thị Phú Mỹ và các đơn vị có chức năng liên quan khác.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án phải cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định. Chỉ đưa dự án đi vào vận hành sau khi đã đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Thực hiện tuân thủ Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.4. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án.

6.5. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác.

6.6. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại về môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6.7. Thực hiện chương trình giám sát, quản lý môi trường đúng theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát theo đúng quy định.

6.8. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.